

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 24-5-2024

V/v tranh chấp về thay đổi người  
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Ông Nguyễn Trung Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 05 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình số: 92/2023/HNGĐ-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lưu Ngọc X, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Lưu Ngọc X

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Lưu Ngọc X vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra

nhiều mâu thuẫn nên chị và anh X đã giải quyết ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 167/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, quyết định chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Thị L, sinh ngày 30/11/2015; anh X trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lưu Ngọc L1, sinh ngày 03/9/2010.

Kể từ khi được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, bản thân chị và gia đình luôn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, đảm bảo cho cháu L được phát triển tốt nhất về mọi mặt, cả về thể chất và tinh thần. Chị và gia đình chị không lần nào ngăn cản, cản trở việc anh X thăm nom, đón cháu L.

Anh X là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, tuy nhiên trên thực tế cháu L1 thường xuyên ở nhà chị. Chị thấy anh X không có trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc chu đáo cho cháu L1. Từ việc ăn ở, sinh hoạt và học tập của cháu L1 như thế nào anh X cũng không quan tâm. Dẫn đến việc cháu L1 học tập sa sút so với các bạn bè trong lớp, ngày càng trở nên lười học, nghịch ngợm và không còn ngoan ngoãn, chịu khó học như trước.

Hiện nay chị đang đi chợ buôn bán các hàng khô, hàng tạp hoá. Chị đi giao cho các đại lý để bán. Công việc và thu nhập của chị luôn luôn ổn định. Hàng tháng thu nhập của chị khoảng 10.000.000 đồng. Những lúc không đi giao hàng thì chị ở nhà chăm sóc, đưa con đi học và đóng hàng cho khách. Chị khẳng định chị hoàn toàn có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để nuôi hai cháu Lưu Ngọc L1 và cháu Lưu Thị L. Vì vậy, chị yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Lưu Ngọc L1 từ anh X sang cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn anh Lưu Ngọc X trình bày:*

Anh xác nhận về thời gian kết hôn, việc Toà án giải quyết ly hôn, nuôi con chung như chị H trình bày là đúng.

Từ lúc ly hôn cho đến nay, cháu Lưu Ngọc L1 thường xuyên ở với chị H, thi thoảng mới ở với anh. Hiện sức khoẻ của cháu L1 bình thường, việc học tập của cháu L1 bị giảm sút dẫn đến việc cháu bị chuyển lớp, từ lớp 7A2 khi lên lớp chuyển sang lớp 8A3. Hàng ngày đi làm về buổi tối anh vẫn dạy cháu L1 học. Cháu L1 tự mình đi xe đạp đi học và về nhà.

Hiện nay anh đang làm thợ xây, thu nhập một ngày công là 300.000 đồng. Tuy nhiên, công việc của anh không được đều. Một tháng anh làm được khoảng 26 đến 27 công tương đương với số tiền hơn 8.000.000 đồng. Anh hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi cháu L1. Vì vậy, anh không đồng ý yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Lưu Ngọc L1 từ anh sang chị H. Anh đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thu thập tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, lấy lời khai của con chung để xem xét nguyện vọng của con, xác minh về điều kiện nuôi con, tình trạng học tập của cháu L1, mở phiên họp về

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định pháp luật.

Cháu **Lưu Ngọc L1** trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 10/11/2023: Cháu là con của bố **Lưu Ngọc X**, mẹ **Ngô Thị H**. Cháu hiện đang học lớp 8A3 Trường trung học cơ sở xã Đ, huyện L. Từ khi bố, mẹ cháu ly hôn vào tháng 8/2023 thì cháu ở cùng em **L** và mẹ, cách đây khoảng hai tuần bố cháu mới bảo cháu về ở cùng bố. Bản thân cháu thấy khi cháu ở cùng em gái **Ngô Thị L2** thấy vui hơn hai anh em cháu cùng nhau học. Cháu muốn ở cùng em cháu để hai anh em cùng học tập.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số: 92/2023/HNGĐ-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngô Thị H** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị **Ngô Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lưu Ngọc L1**, sinh ngày 03/9/2010. Anh **Lưu Ngọc X** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **X** thực hiện quyền này.

Anh **Lưu Ngọc X** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 10/01/2024 anh **Lưu Ngọc X** kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên, anh không đồng ý bản án sơ thẩm giao cho chị **Ngô Thị H** được nuôi cháu **Lưu Ngọc L1**. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu **L1**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:Chị **Ngô Thị H** vắng mặt, anh **Lưu Ngọc X** không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt chị **H** nên không tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh **Lưu Ngọc X** trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị được tiếp tục nuôi cháu **L1**. Chị **H** trình bày không đúng sự thật, cháu **L1** ở với mẹ nhưng anh là người đóng học cho cháu, chị **H** không cho anh đón cháu về nhà, ở với chị **H** cháu **L1** học hành sa sút, năm lớp 8 anh đón cháu về, hiện tại cháu **L1** đang ở cùng anh. Anh được quyền nuôi con nhưng chị **H** toàn ép anh và không cho anh vào thăm con, chị **H** đối xử không tốt với con. Mong muốn của anh được nuôi cháu **L1**. Hiện anh đang làm thợ xây thu nhập khoảng 08 triệu đồng đến 09 triệu đồng/tháng, anh và cháu **L1** ở cùng bố mẹ anh. Anh đủ điều kiện nuôi cháu **L1**. Anh đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước tời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: đối với nguyên đơn chị **H1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn anh **X** có mặt đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Lưu Ngọc X**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của anh **X** không được chấp nhận nên anh **X** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1]. Về việc vắng mặt nguyên đơn: Chị **Ngô Thị H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **H**.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh **Lưu Ngọc X**, Hội đồng xét xử thấy:

Chị **Ngô Thị H** và anh **Lưu Ngọc X** có 02 con chung là cháu **Lưu Ngọc L1**, sinh ngày 03/9/2010 và cháu **Lưu Thị L**, sinh ngày 30/11/2015. Anh **X** được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **L1** theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 167/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Quá trình nuôi dưỡng con chung của anh **X** đối với cháu **L1**, chị **H** cho rằng anh **X** không quan tâm, chăm sóc cháu **L1** dẫn đến cháu **L1** học sa sút phải chuyển lớp. Do vậy, chị **H** khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu **L1** từ anh **X** sang chị. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngô Thị H** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cho chị **Ngô Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lưu Ngọc L1**, sinh ngày 03/9/2010. Anh **Lưu Ngọc X** kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của anh **X**, Hội đồng xét xử thấy:

Về điều kiện nuôi con của chị **H** và anh **X** là ngang nhau chị **H** và anh **X** đều có nhà ở, có thu nhập ổn định bảo đảm cuộc sống cho các con chung. Tuy nhiên, theo trình bày của chị **H** và tài liệu thu thập có trong hồ sơ (bút lục 35), chị **Trần Phương T** là giáo viên chủ nhiệm lớp 8A3 Trường trung học cơ sở xã Đ, huyện L cung cấp do kết quả học tập của cháu **L1** không tốt nên khi lên lớp 8, cháu **L1** bị chuyển sang lớp 8A3 (năm học trước là lớp 7A2, lớp A1 là lớp chọn, lớp A2 là các cháu học sinh khá, lớp A3 là học sinh trung bình). Quá trình học tập cháu **L1** thường xuyên vi phạm nề nếp, mất trật tự, không làm bài tập về nhà, bỏ tiết. Đầu năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh thì có chị **H** đi họp, chị **H** cũng là người thường xuyên giữ mối liên hệ với nhà trường trao đổi tình hình học tập của

cháu **L1** (anh **X** chưa lần nào liên hệ trao đổi). Anh **X** thừa nhận việc học tập của cháu **L1** bị giảm sút dẫn đến việc cháu bị chuyển lớp, thực tế từ khi ly hôn đến nay cháu **L1** vẫn ở nhà chị **H** (bút lục 29). Ngoài ra, cháu **L1** trình bày cháu có nguyện vọng ở cùng em cháu để cùng nhau học tập. Do vậy, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu **L1** từ anh **X** sang chị **H** là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh **X** cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của anh là có căn cứ.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Lưu Ngọc X**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Anh **Lưu Ngọc X** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Lạng Giang.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh **Lưu Ngọc X**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Ngô Thị H** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao chị **Ngô Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Lưu Ngọc L1**, sinh ngày 03/9/2010. Anh **Lưu Ngọc X** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **X** thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Anh **Lưu Ngọc X** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007291 ngày 10/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/5/2024).

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- TAND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Hiền**



***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- TAND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TOÀ**

**Đỗ Thị Mai Lan**